

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2023/DS-ST

Ngày: 14-8-2023

"V/v tranh chấp hui; Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị M

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Th

2. Ông Trần Văn H

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 5 năm 2023; về việc "*Tranh chấp Hui; Đòi lại tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 272/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thị L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ 15, Ấp 3, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L là anh Huỳnh Hoài T, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp Hưng Thành Đông, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số 310/3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 04, Ấp 3, xã M, thành phố Cao Lãnh, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của bà Trương Thị L và quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Hoài T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L trình bày:

Bà L là hui viên có tham gia dây hui do bà Nguyễn Thị Bích V làm chủ thảo hui 2.000.000 đồng, khai hàng tháng vào ngày 26 (AL), khai hui lần đầu

vào ngày 26/8/2019 (AL), có tổng số 22 phần hội, bà L tham gia một phần trong đây hội này. Bà L đóng được 18 lần thì bà V nói với bà L ngưng không đóng nữa. Sau khi trừ lại 1.000.000 đồng tiền hoa hồng cho một phần hội, còn lại số tiền 32.500.000 đồng. Sau khi hốt hội bà L nhiều lần liên hệ với bà V để lấy tiền hội nhưng bà V nhiều lần hứa hẹn và không giao tiền. Đến nay bà V vẫn còn nợ bà L số tiền hội là 32.500.000 đồng.

Khoảng tháng 10/2020 (AL) bà L có đưa bà V số tiền 6.000.000 đồng nhờ bà Vân đưa cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ 15, Ấp 3, xã M, thành phố Cao Lãnh, vì trước đó bà L có vay của bà L số tiền trên. Nhưng sau khi bà L đưa tiền bà V nhờ trả cho bà L dùm thì bà V không đưa tiền cho bà L, mà giữ lại chi tiêu cá nhân. Nhiều lần bà L có yêu cầu bà V trả lại tiền nhưng bà V hứa hẹn và cố tình tránh né. Mới đây bà V có trả được 2.000.000 đồng nên còn nợ lại 4.000.000 đồng nên yêu cầu bà V trả 4.000.000 đồng. Bà L không đồng ý việc bà V cho rằng đã cản trừ nợ cho bà N.

Nay, bà L yêu cầu bà V trả số tiền hội còn nợ 32.500.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền bà L nhờ bà V trả dùm bà L. Tổng cộng là 36.500.000 đồng, bà L không yêu cầu bà V trả lãi của số tiền trên.

Tại phiên tòa anh Huỳnh Hoài T trình bày: Sau khi hòa giải tại Tòa thì bà V có gửi trả tiền hội cho bà L 16.500.000 đồng nên còn nợ tiền hội là 16.000.000 đồng. Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà bà L nhờ bà V trả cho bà L thì bà V đã trả lại xong nên hiện nay bà V chỉ còn nợ bà L 16.000.000 đồng tiền hội. Nay, bà L yêu cầu bà V trả số tiền hội 16.000.000 đồng. Không yêu cầu trả lãi.

Bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền 4.000.000 đồng mà bà L nhờ bà V trả cho bà L, do bà V đã trả lại xong.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Thông nhất lời trình bày theo đơn khởi kiện của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn phần hội với tổng số tiền còn nợ sau khi khấu trừ là 32.500.000 đồng nhưng đến khoảng tháng 8 – 9/năm 2020 bà V và bà L, bà N (không biết họ tên, địa chỉ: Phường C, thành phố Cao Lãnh) do bà N có nợ bà V tiền nên ba bên thống nhất khấu trừ nợ với nhau. Bà N sẽ trả nợ 20.000.000 đồng cho bà L nên bà V còn nợ bà L phần hội là 12.500.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền còn thiếu bà L như bà L trình bày. Đồng ý trả 16.500.000 đồng cho bà L.

Tại phiên tòa bà V thừa nhận nợ và đồng ý không cản trừ nợ của bà L với bà N. Bà V đồng ý trả số tiền hội cho bà L 32.500.000 đồng nhưng sau khi Tòa hòa giải thì bà V đã trả cho bà Luốc 16.500.000 đồng tiền hội, hiện tại chỉ còn nợ 16.000.000 đồng tiền hội và đồng ý trả. Đối với số tiền 4.000.000 đồng trước đây bà L nhờ bà trả cho bà L thì bà V đã trả lại cho bà L xong nên không còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2019 bà Luốc có tham gia hội của bà V và được bà Vân thừa nhận. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hội*” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà V về số tiền nhờ bà V trả cho bà Nguyễn Thị L nhưng chưa trả và bà L yêu cầu bà V trả lại số tiền này và được bà V thừa nhận nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V trả số tiền hội còn nợ 16.000.000 đồng, bà L không yêu cầu bà V trả lãi của số tiền trên.

Bà Trương Thị L chứng minh bằng: Sổ hội khởi đầu ngày 26/8/2019 (AL), Thảo hội là Bích V, vấn đề này được bà V đã thừa nhận và tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất số tiền còn nợ hội là 16.000.000 đồng, bà L không yêu cầu xem xét tiền lãi của số tiền nợ. Bà V đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ hội là 16.000.000 đồng và không yêu cầu xem xét lại phần hội chết, cũng không yêu cầu Tòa án xem xét việc cản trở nợ như lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2023 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của số tiền 4.000.000 đồng do bà L nhờ bà V trả cho bà L nhưng bà V đã trả lại cho bà L xong và bà L xin rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V tự nguyện chịu 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 471 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Trương Thị L và bà Nguyễn Thị Bích V. Bà Nguyễn Thị Bích V phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L số tiền hui 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản của bà Trương Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bích V của số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị L được nhận lại số tiền 962.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012360 ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Do Triệu K nộp thay).

Bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ